

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07/8/2020

“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thảo và bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2020, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ B, phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn N, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Văn H1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 16/02/2016. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống, anh H1 không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm không còn, cuộc sống không hạnh phúc, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân. Do vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Chị H và anh H1 có một con chung là Nguyễn Hà Gia H2, sinh ngày 05/02/2016. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H2 và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản khai ngày 30/3/2020 và biên bản hòa giải ngày 13/5/2020, anh Nguyễn Văn H1 trình bày: Anh H1 và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn như chị H đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng không hiểu tính nhau, không thông cảm cho nhau nên vợ chồng có xảy ra cãi vã, xích mích nhưng không đến mức trầm trọng phải ly hôn. Anh H1 vẫn còn tình cảm với chị H và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, anh H1 không đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh H1 và chị H có một con chung là Nguyễn Hà Gia H2, sinh ngày 05/02/2016. Anh H1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H2 và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến: Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 là trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh H1. Về con chung: Xét thấy, chị H có đủ khả năng lao động để nuôi con, đồng thời con còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu Nguyễn Hà Gia H2, sinh ngày 05/02/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập. Về án phí, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn N, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H1.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H1 có đủ điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh H1 đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H1. Tổ dân phố 7 và UBND phường AB đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của chị H và anh H1. Anh H1 không đồng ý ly hôn với chị H và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H1. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị H cho rằng không thể tiếp tục chung sống với nhau và cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh H1 có một con chung là Nguyễn Hà Gia H2, sinh ngày 05/02/2016. Chị H và anh H1 đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, hiện nay cháu H2 đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ, đồng thời chị H có khả năng lao động, có nơi cư trú ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, cần giao cho chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà Gia H2, sinh ngày 05/02/2016 là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

- *Về nuôi con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hà Gia H2, sinh ngày

05/02/2016, khi cháu H2 chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0004292 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (07/8/2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông